

TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ
Số: 15 /TTr-DKPM-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 04 tháng 04 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ) đã tổ chức rà soát điều chỉnh và bổ sung các nội dung Điều lệ phù hợp với quy định và các yêu cầu quản trị, điều hành Công ty;

Để đảm bảo Điều lệ Công ty PV Oil Phú Mỹ được phù hợp và thực hiện đúng theo Luật quy định, Hội đồng quản trị kính trình Quý cổ đông xem xét thông qua những khoản sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được đăng tải tại địa chỉ <http://pvoilphumyl.webnode.vn>

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)
Nguyễn Trí Dũng

**DỰ THẢO SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ**

<p>Trích Điều lệ cũ áp dụng Luật doanh nghiệp năm 2005</p>	<p>Sửa đổi một số nội dung Điều lệ, để phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2014</p>	<p>Lý do</p>
<p style="text-align: center;">Phần mở đầu</p> <p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ (PV Oil Phú Mỹ) (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của cổ đông và Hội đồng quản trị nêu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ sửa đổi này được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 08 tháng 5 năm 2012; gồm XXI chương, 57 điều như sau:</p>	<p style="text-align: center;">Phần mở đầu</p> <p>Điều lệ này của Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ - tên giao dịch là PV Oil Phú Mỹ (sau đây viết tắt là "Công ty" đây là một trong những cơ sở pháp lý của Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.</p> <p>Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan. Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty, các nghị quyết của cổ đông và Hội đồng quản trị nêu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định bắt buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ sửa đổi này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm gồm có các chương, điều, khoản như sau:</p>	
<p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>Tại điểm a khoản 1:</p> <p>“Vốn Điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.</p> <p>Tại điểm d khoản 1:</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>Tại điểm a khoản 1</p> <p>“<i>Vốn Điều lệ</i>” có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và được ghi tại Điều 5 Điều lệ này.</p> <p>Tại điểm d khoản 1</p>	<p>- Quy định tại khoản 17 Điều 18 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>“<i>Luật doanh nghiệp</i>” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 được quốc Hội thông qua ngày 29/11/2005.</p> <p>Tại điểm f khoản 1:</p> <p>“<i>Người quản lý</i>” có nghĩa là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc điều hành, kế toán trưởng, và các chức danh quản lý quan trọng khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi miễn theo đề nghị của Giám đốc điều hành.</p> <p>Tại điểm g, khoản 1:</p> <p>“Những Người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4.17 của Luật doanh nghiệp.</p> <p>Tại điểm j:</p> <p>“<i>Việt Nam</i>” có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Tại khoản 2:</p> <p>Trong Điều lệ này khi nói đến một điều khoản hay một văn bản nào đó thì chúng sẽ bao gồm cả những điều khoản sửa đổi hay văn bản thay thế.</p>	<p>“<i>Luật doanh nghiệp</i>” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được quốc Hội thông qua ngày 26/11/2014.</p> <p>Tại điểm f khoản 1</p> <p>“<i>Người quản lý</i>” bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban và các chức danh tương đương.</p> <p>Tại điểm g, khoản 1</p> <p>“<i>Người có liên quan</i>” là bất kỳ tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định tại khoản 17, Điều 4 của Luật doanh nghiệp.</p> <p>Tại điểm j</p> <p>Bỏ.</p> <p>Tại khoản 2</p> <p>Bỏ.</p>	<p>- Không cần thiết.</p> <p>- Không cần thiết.</p>
<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>Tên Công ty:</p> <p>Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ</p> <p>Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM OIL</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty:</p> <p>Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ</p> <p>Tên tiếng Anh: PETROVIETNAM OIL</p>	<p>Không thay đổi.</p>

<p>PHU MY JOINT STOCK COMPANY</p> <p>Tên giao dịch: PV OIL PHÚ MỸ</p> <p>Tên viết tắt: PV OIL PHÚ MỸ</p> <p>2- Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.</p> <p>3- Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Cái Mép, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</p> <p>Điện thoại: +84 (64) 393 6798</p> <p>Fax: +84 (64) 393 6367</p> <p>4- Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.</p> <p>6- Thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi được chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này.</p>	<p>PHU MY JOINT STOCK COMPANY</p> <p>Tên giao dịch: PV OIL PHÚ MỸ</p> <p>Tên viết tắt: PV OIL PHÚ MỸ</p> <p>2. Công ty là một Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty</p> <p>Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.</p> <p>Điện thoại: +84 (64) 393 6798</p> <p>Fax: +84 (64) 393 6367</p> <p>4. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.</p> <p>6. Thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi được chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 3 : Mục tiêu của công ty.</p> <p>1- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất và chế biến sản phẩm dầu mỏ - Mua bán, kinh doanh sản phẩm dầu mỏ như: các loại xăng dầu, dầu nhờn, hóa chất và các loại chế phẩm dầu mỏ khác; 	<p>Điều 3. Mục tiêu của Công ty</p> <p>Tại khoản 1</p> <p><u>Bổ sung ngành nghề kinh doanh sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, phân tích chất lượng xăng dầu và dịch vụ thử nghiệm, cấp chứng chỉ mẫu xăng dầu; 	

<ul style="list-style-type: none"> - Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu; - Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Biodiesel). Thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học; - Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư máy móc và dịch vụ thương mại; - Xuất nhập khẩu phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu; - Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến sản phẩm dầu; - Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu. - Kinh doanh vận tải xăng dầu và các sản phẩm dầu mỏ. <p>2- Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cho thuê kho bãi. 	
---	---	--

<p>Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động.</p> <p>Tại khoản 1:</p> <p>Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>Tại khoản 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty: - Thu lợi nhuận tối đa; - Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông; - Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động; - Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh; - Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước. 		<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>Tại khoản 1</p> <p>Công ty được phép lập kế hoạch và hoạt động sản xuất kinh doanh theo Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật, thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>Tại khoản 2</p> <p>Công ty có thể tiến hành tự do kinh doanh khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận nhằm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu lợi nhuận tối đa; - Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông; - Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động; - Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh; - Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước; - Các quyền khác quy định tại Điều 7 Luật doanh nghiệp. 	<p>- Quy định để phù hợp với Điều 7 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
<p>Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập:</p> <p>1- Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ bao gồm toàn bộ là Cổ phần phổ thông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>1. Vốn điều lệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn Điều lệ Công ty là 500.000.000,0 đồng Việt nam (năm trăm tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty chia thành 50.000.000 (năm mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng một 	<p>- Sắp xếp lại rõ ràng hơn.</p>	

<p>2- Vốn Điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng), được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 kèm theo Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông. Mệnh giá thông nhất của 01 cổ phần là 10.000 VNĐ.</p> <p>3- Công ty có thể tăng vốn Điều lệ khi được đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.</p> <p>4- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.</p> <p>5- Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm. Phụ Lục này là một phần của Điều lệ này.</p> <p>6- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách</p>	<p>cổ phần;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công ty có thể tăng/giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật. <p>2. Cổ phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ bao gồm toàn bộ là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này; - Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khi có nhu cầu về vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Điều lệ và pháp luật liên quan; - Cổ phần phổ thông phát hành mới phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các tổ chức, cá nhân theo các điều kiện và 	
---	--	--

<p>thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>7- Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo bất kỳ cách nào mà Luật Doanh nghiệp cho phép, phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>8- Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</p>	
<p>cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán;</p> <p>- Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>- Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>3. Cổ đông sáng lập</p> <p>- Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;</p> <p>- Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần, quyền và nghĩa vụ và các chi tiết khác của cổ đông sáng lập được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp. Danh sách chi tiết của cổ đông sáng lập nêu tại phụ lục 01 đính kèm, phụ lục này là</p>	

	một phần của Điều lệ này.	
<p>Điều 6 : Cổ phiếu</p> <p>1- Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.</p> <p>2- Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.</p> <p>3- Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) chuyển nhượng.</p> <p>4- Trường hợp chi chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5- Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ</p>	<p>Điều 6. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p> <p>f) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;</p> <p>g) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p> <p>2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành</p>	<p>- Quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>6- Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.</p> <p>7- Căn cứ các quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không), được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>	<p>thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.</p> <p>3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.</p> <p>Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:</p> <p>a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới;</p> <p>Đôi với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên (10.000.000 DVN) <i>mười triệu Đồng Việt Nam</i>, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo Công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	
<p>Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu</p>	<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán</p> <p>Công ty có thể phát hành trái phiếu, Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại</p>	<p>- Áp dụng khoản 4;5 Điều 127 Luật doanh nghiệp 2014; - Công ty không phát hành chứng chỉ quỹ mà</p>

<p>của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	<p>cuộc họp gần nhất. Báo cáo kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình, Nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.</p> <p>Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thì thực hiện tương tự như thủ tục phát hành cổ phần theo quy định pháp luật.</p>	<p>chỉ phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu (nếu có).</p>
<p>Điều 8 : Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1- Tất cả các cổ phần phổ thông đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>2- Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.</p> <p>3- Trường hợp một Cổ đông bị chết thì người thừa kế hoặc người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người hoặc những người duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với số cổ phần của người đã chết theo quy định của pháp luật; nhưng sự thừa nhận ấy không giải trừ tài sản của Cổ đông đã chết khỏi các trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.</p>	<p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng văn bản.</p> <p>3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không hưởng cổ tức.</p> <p>4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.</p> <p>5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.</p> <p>7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và</p>	<p>- Sửa lại phù hợp với quy định tại Điều 126 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

	<p>Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p> <p>8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p>	
<p>Điều 9: Thu hồi cổ phần</p> <p>1- Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.</p> <p>2- Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.</p> <p>3- Nếu các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi số cổ phần đã nêu trong thông báo ấy vào bất cứ lúc nào trước khi Cổ đông liên quan thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, tiền lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng</p>	<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trong trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị sẽ thông báo và yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>2. Thông báo yêu cầu thanh toán phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu 07 (bảy) ngày, tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán, thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu thì số cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó, Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản</p>	<p>- Sắp xếp lại ngôn từ phù hợp với Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan.</p>

<p>quản trị sẽ chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4- Cổ phần bị Công ty thu hồi hoặc do người sở hữu nộp lại sẽ trở thành tài sản của Công ty và Công ty có thể bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách nào đó cho người đã từng nắm giữ số cổ phần đó trước khi bị thu hồi hay nộp lại, hoặc cho một người khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.</p> <p>5- Cổ đông nào có cổ phần bị thu hồi hay đã nộp lại sẽ mất tư cách là Cổ đông đối với số cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới số cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc khi nộp lại phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12%/năm) theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày bị thu hồi hoặc nộp lại cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định cưỡng chế buộc thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hay nộp lại hoặc miễn giảm việc ấy trong những mức độ nào đó.</p> <p>6- Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	<p>của Công ty. Hội đồng quản trị có thể hoặc trực tiếp bán hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc người khác mua lại số cổ phần đó.</p> <p>5. Cổ đông có cổ phần bị thu hồi bị mất tư cách cổ đông đối với số cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới số cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc khi nộp lại cho Công ty, cộng với tiền lãi theo lãi suất (không quá 12%/năm) do quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày bị thu hồi hoặc nộp lại cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định cưỡng chế buộc thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hay nộp lại hoặc miễn giảm việc ấy trong những mức độ nào đó.</p> <p>6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	
<p>Điều 10: Cơ cấu tổ chức</p>	<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty</p>	<p>- Sửa đổi tên Điều</p>

<p>Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông; b) Hội đồng quản trị; c) Giám đốc điều hành; d) Ban kiểm soát.</p>	<p>Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông; b) Hội đồng quản trị; c) Giám đốc; d) Ban Kiểm soát.</p>	<p>khóa rõ ràng hơn. (nội dung Điều khoản không thay đổi).</p>
<p>Điều 11. Quyền hạn của cổ đông công ty</p> <p>1- Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2- Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết; b) Nhận cổ tức; c) Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành; d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa</p>	<p>Điều 11. Quyền hạn của cổ đông Công ty</p> <p>1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty và có các quyền, nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp</p>	<p>- Nội dung không thay đổi, chỉ thay đổi dẫn chiếu của Điều luật và các nội dung như Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>đòi các thông tin không chính xác;</p> <p>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Đại hội cổ đông;</p> <p>g) Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>h) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 90.1 của Luật doanh nghiệp; và</p> <p>i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.</p> <p>3- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:</p> <p>a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại các Điều 24.3 và 36.2 tương ứng;</p> <p>b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng</p>	<p>quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>3. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ, yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản 3 Điều này.</p>	<p>Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông tại khoản 3 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên</p> <p>- Quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp (bắt buộc phải có Điều khoản này theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 25 Luật doanh nghiệp 2014).</p>
---	---	--

<p>thực cả nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:</p> <p>a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật doanh nghiệp;</p> <p>d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ</p>	
---	--	--

	<p>lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e) Các quyên khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi Công ty mất khả năng thanh toán.</p>	<p>- Bổ sung để phù hợp với Luật phá sản (khoản 5 Điều 5 Luật phá sản).</p>
<p>Điều 12. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông</p> <p>Các Cổ đông phổ thông của Công ty có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1- Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty;</p> <p>2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p> <p>3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;</p> <p>6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau</p>	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông</p> <p>Các cổ đông phổ thông của Công ty có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty mua hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>2. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;</p> <p>3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý</p>	<p>- Bổ sung khoản 1 Điều 12.</p> <p><u>Lý do bổ sung:</u> Đảm bảo được tính ổn định trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Bổ khoản 6 vì Luật</p>

<p>đây:</p> <p>a) Vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>	<p>nội bộ của Công ty.</p> <p>4. Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;</p>	<p>doanh nghiệp 2014</p> <p>Không quy định.</p>
<p>Điều 13: Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các Cổ đông có quyền bỏ phiếu đều có quyền tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường.</p> <p>2- Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3- Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm (01) một lần trong thời hạn (04) bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá (06) sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p>	<p>- Quy định tại Khoản 1 Điều 135 Luật doanh nghiệp 2014:</p> <p>- khoản 1 (thay đổi phù hợp với khoản 1 Điều 135 Luật doanh nghiệp).</p> <p>- khoản 2 thay đổi phù hợp với khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- khoản 3: Thay đổi từ "Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự".</p>

<p>các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>4- Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>Việc triệu tập là cần thiết nếu các Kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;</p> <p>b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa;</p> <p>c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>d) Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan);</p> <p>e) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc</p>	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất 50% so với vốn khi thành lập;</p> <p>c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>d) Một cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;</p> <p>f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp</p>	<p>- Khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Sửa đổi theo điểm b khoản 3 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
--	--	---

<p>có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>5- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 4 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5(a) Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5(b) Điều này thì trong 30 ngày tiếp</p>		<p>Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này thì trong thời hạn (30) ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này thì trong 30 (ba mươi) ngày tiếp theo cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>d) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết</p>	<p>- khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- điểm c nội dung không thay đổi chỉ thay đổi Điều luật tham chiếu.</p> <p>- khoản 6, Điều 136 Luật doanh nghiệp năm 2014 không có quy định phải mời cơ quan giám sát Đại hội.</p>
---	--	---	--

<p>theo cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>d) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.</p> <p>e) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.</p> <p>e) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>- điểm d, e không thay đổi.</p>
<p>Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1- Đại hội đồng cổ đông Thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p> <p>b) Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của</p>	<p>Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản</p>	<p>- khoản 1 sắp xếp lại phù hợp với khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>Công ty.</p> <p>2- Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>c) Mức cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị một cách trung thực và sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành;</p> <p>f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;</p> <p>h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày</p>		
	<p>trị và Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định các vấn đề sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ</p>	
		<p>- khoản 2 bổ sung theo khoản 2 Điều 135 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>thành lập;</p> <p>i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;</p> <p>l) Thông qua giao dịch mua, bán tài sản, đầu tư, góp vốn liên doanh, hợp đồng vay, cho vay, cầm cố, thế chấp tài sản của công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của công ty và các chi nhánh của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;</p> <p>m) Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n) Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Giám đốc điều hành;</p> <p>o) Công ty hoặc các chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người có liên quan được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> <p>3- Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một Nghị quyết nào để thông qua:</p> <p>a) Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 nếu Cổ</p>		<p>phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>g) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>h) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>j) Lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>k) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>l) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>m) Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Giám đốc điều hành;</p> <p>n) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.</p>	<p>- Điều 158 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- khoản 5 Điều 142 Luật doanh nghiệp năm 2014.</p>
--	--	---	---

<p>đồng đó hoặc Người liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b) Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ Người liên quan đến Cổ đông đó.</p> <p>4- Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các Nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.</p>		
<p>Điều 15: Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1- Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo Pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>2- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp DHDCHD phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký bởi của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b) Trường hợp là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p>	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký hợp pháp của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký hợp pháp của người đại diện theo pháp luật của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội</p>	<p>- khoản 1 Điều 140 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư ủy quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.</p> <p>3- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>4- Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền đã:</p> <p>a) Chết, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>4. Việc ủy quyền, hủy bỏ ủy quyền phải tuân thủ theo các quy định của Luật dân sự.</p>	
<p>Điều 16: Thay đổi các quyền</p> <p>1- Với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Điều 14.2, khi vốn của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau, thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>Trường hợp vốn của Công ty được chia lại thành các loại cổ phần khác nhau, các quyền dành cho từng loại cổ phần có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ thì phải được cổ đông hoặc</p>	<p>- Luật quy định 65% (điểm a khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014).</p>

<p>dành cho từng loại cổ phần có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ khi có sự nhất trí bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của số cổ phần loại đó đã phát hành.</p> <p>2- Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</p> <p>3- Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và 20.</p> <p>4- Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tại cuộc họp nhất trí.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bỏ khoản 2, khoản 3 và khoản 4.</u></p>	<p>- Các quyền, nghĩa vụ của các cổ đông nắm giữ cổ phần đã được Luật doanh nghiệp quy định rõ và chi tiết tại Điều lệ này, không nên cho thêm quyền cho các cổ đông và các đối tượng khác nhằm tạo ra hành lang pháp lý cho sản xuất và kinh doanh.</p>
<p>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội</p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, thông báo họp, chương</p>	

đồng cổ đông	trình và nội dung hợp Đại hội đồng cổ đông	
<p>1- Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 13.5b hoặc 13.5c.</p> <p>2- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy định của Công ty;</p> <p>b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; và</p> <p>c) Thông báo và gửi thông báo hợp DHD/CĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp</p> <p>3- Thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện</p>	<p>1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Hội đồng quản trị là người triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp năm 2014.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện nhiệm vụ sau:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Chuẩn bị tài liệu cuộc họp;</p> <p>e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>f) Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại khoản 3 điều này;</p> <p>h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>- khoản 4 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- khoản 7 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Sửa đổi theo Điều 139</p>

<p>bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.</p> <p>Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.</p> <p>Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>Trường hợp Công ty có website, thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p> <p>4- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:</p>		<p>đồng phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>b) Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. - Tài liệu họp theo thông báo mời họp đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: www.pvoilphumy1.webnode.vn <p>4. Chương trình họp và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p>	<p>Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Sửa đổi theo Điều 138 Luật doanh nghiệp</p>
--	--	---	---

<p>a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b) Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;</p> <p>d) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên.</p> <p>6- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>7- Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.</p> <p>8- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 16.3 của Điều lệ này.</p> <p>9- Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ</p>		<p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục 06 (sáu) tháng trở lên. - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị 	2014.
---	--	--	-------

<p>tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	<p>quy định tại điểm b khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều này; Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>5. Danh sách cổ đông dự họp</p> <p>a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>c) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>- Bổ sung theo Điều 137 Luật doanh nghiệp. Danh sách cổ đông dự họp là tài liệu quan trọng nên cần đưa vào Điều lệ.</p>
<p>Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại</p>	<p>Điều 18. Điều kiện tiến hành họp Đại hội</p>	<p>- Sửa đổi theo Điều 141 Luật doanh nghiệp</p>

hội đồng cổ đông	đồng cổ đông	2014.
<p>1- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ân định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3- Trường hợp đại hội lần hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ân định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>4- Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 19: Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 19. Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>- Sửa đổi theo Điều 142 Luật doanh nghiệp</p>

<p>1- Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ứng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ứng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.</p> <p>3- Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>4- Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội</p>	<p>Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. 2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp. 	<p>2014.</p>
---	--	--------------

đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5- Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6- Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẻ ra đã được giải quyết hợp pháp tại

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh

<p>đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p>7- Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p> <p>8- Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>9- Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>10- Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc</p>	<p>hợp pháp, hợp lý khác.</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.</p> <p>b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>d) Thời gian hoãn tới đã không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p> <p>9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Tất cả các nghị</p>
---	--

<p>tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>11- Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b) Bổ trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>12- Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	
---	---	--

<p>Điều 20: Thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1- Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.</p> <p>2- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>		<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hình thức thông qua nghị quyết: Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a) Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>g) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>h) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>i) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Các nghị quyết khác được thông qua</p>	<p>- Sửa đổi theo khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Sửa đổi theo khoản 2 Điều 143 và khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
---	--	--	---

	<p>Khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p>	<p>- Sửa đổi theo khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2014.</p>
<p>Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1 - Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>2 - Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;</p> <p>3 - Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch,</p>	<p>- Thay đổi và sắp xếp lại phù hợp với Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Ván đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p> <p>4- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p> <p>5- Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp</p>	<p>số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Ván đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Gửi thư bảo đảm, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng</p>	
---	--	--

<p>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e) Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>6- Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>7- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;</p> <p>8- Quyết định được thông qua theo hình thức</p>	<p>trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p> <p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e) Các vấn đề đã được thông qua;</p>	
---	---	--

<p>lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 22: Biên bản họp hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng</p>	<p>- Sửa đổi theo Điều 146 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

Khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể

	<p>từ ngày Kết thúc cuộc họp;</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
<p>Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1 - Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>2 - Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>- Sửa lại theo Điều 147 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
	<p>Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết</p>	<p><u>Bổ sung Điều 24:</u></p> <p>- Bổ sung thêm Điều 24 theo quy định tại Điều 148 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

	<p>đó.</p> <p>2. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	
<p>Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên hội đồng quản trị.</p> <p>1- Số thành viên của Hội đồng quản trị là năm (5) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2- Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội</p>	<p>Điều 25. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số thành viên của Hội đồng quản trị là 05 (năm) người, trừ trường hợp các quy định tại Điều 156 Luật doanh nghiệp và Điều 28 Điều lệ này. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 05 (năm); Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Bầu Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, cụ thể: Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội</p>	<p>- Theo khoản 1, khoản 2 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Theo khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>đồng quản trị.</p> <p>3 - Các cổ đông nắm giữ tối thiểu (5%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>4- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>5- Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ</p>	<p>đồng quản trị và cổ đông có quyền đôn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, nêu bầu lại vẫn có số phiếu ngang nhau thì lựa chọn theo quy chế bầu cử của Công ty.</p> <p>3. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử và đôn phiếu bầu cho người do họ đề cử.</p> <p>4. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định, số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện như sau:</p> <p>a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;</p> <p>b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;</p> <p>c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30%</p>	<p>- Theo Điều 17 Nghị định 139/2007/NĐ-CP.</p>
--	---	---

<p>chức đơn trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó không đủ sức khỏe, tinh thần để đảm nhận chức vụ và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6- Hội đồng quản trị có thể bỏ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bỏ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bỏ nhiệm.</p> <p>7- Việc bỏ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>8- Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>		
<p>đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;</p> <p>d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;</p> <p>e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;</p> <p>f) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;</p> <p>g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;</p> <p>h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.</p> <p>Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p> <p>6. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng</p>		<p>- Điểm b khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Sửa đổi bổ sung phù hợp với thực tiễn và theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>

	<p>quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, số lượng thành viên của Tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định.</p>	
<p>Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.</p> <p>1- Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2- Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác.</p> <p>3- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c) Bỏ nhiệm và bãi miễn Người quản lý của Công ty theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d) Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phân vốn góp vào công ty khác; quyết định mức thù lao và lợi ích</p>	<p>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn 12 tháng.</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p>	<p>- Sửa đổi theo Điều 14, khoản 2 Điều 162 và khoản 1, khoản 2 Điều 130 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>khác của những người đó;</p> <p>e) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p> <p>f) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay bất kỳ Người quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>g) Giải quyết các khiếu nại của Công ty về Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;</p> <p>h) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>i) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>j) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>l) Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;</p>	<p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và Người quản lý Công ty; Quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những Người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu phần vốn góp, tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ hợp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh</p>	
--	--	--

<p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.</p> <p>n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>o) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp.</p> <p>4- Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b) Thành lập các Công ty con của Công ty;</p> <p>c) Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư Công ty và liên doanh);</p> <p>d) Chi định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty;</p> <p>e) Việc vay nợ và việc thực hiện thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty;</p> <p>f) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g) Mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước</p>	<p>doanh;</p> <p>n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>o) Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>p) Quyết định mức giá mua cổ phần của Công ty;</p> <p>q) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những Người quản lý khác trong năm tài chính.</p> <p>4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>b) Người quản lý được yêu cầu phải cung</p>	<p>- Theo khoản 2 Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
--	---	--

<p>ngoài</p> <p>h) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại đã được chào bán;</p> <p>j) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>5- Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Giám đốc điều hành và những Người quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.</p> <p>6. Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và các đơn vị trong công ty.</p> <p>b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp</p>	<p>cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị nếu kiêm nhiệm chức vụ khác tại Công ty ngoài tiền thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thì sẽ được hưởng tiền lương hoặc thù lao theo chức vụ đó, mức tiền lương hoặc thù lao theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.</p> <p>6. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><u>Bỏ Khoản 6, 7, 8, 9 và 10</u></p>	<p>- Theo điểm h khoản 2 Điều 149 LDN</p> <p>- Theo điểm k khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Theo Điều 155 LDN</p> <p>- Theo điểm b Khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Đã quy định tại Điều lệ Công ty.</p>
--	--	--

<p>Kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>7- Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho viên chức cấp dưới và các Người quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.</p> <p>8- Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thoả thuận được thì chia đều.</p> <p>Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của công ty.</p> <p>9- Mọi thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao</p>		
--	--	--

<p>dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>10- Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>		
<p>Điều 26: Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>1- Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2- Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nếu được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình</p>	<p>Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy</p>	<p>- Sửa đổi theo Điều 152 Luật doanh nghiệp 2014</p> <p><u>Lý do:</u></p> <p>- Phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2014 đồng thời khi lựa chọn chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị sẽ lựa chọn người xứng đáng có đủ năng lực để đảm nhiệm công việc, đồng thời công tác tổ chức bầu sẽ gọn nhẹ và hiệu quả hơn.</p> <p>- Trong Luật doanh nghiệp 2014 không có quy định chức danh Phó chủ tịch Hội đồng</p>

<p>vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu Chủ tịch Không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>3- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4- Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.</p>	<p>chê Công ty.</p> <p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>quản trị.</p> <p>- Bổ sung theo khoản 6 Điều 152 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
<p>Điều 27: Thành viên Hội đồng quản trị thay thế:</p> <p>1- Một thành viên Hội đồng quản trị (nhưng không phải người đã được cử thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc bất kỳ người nào được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng nhận nhiệm vụ này, làm người thay thế mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.</p> <p>2- Người được cử thay thế có quyền nhận thông báo về mọi cuộc họp của Hội đồng quản</p>	<p>Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p>- Sửa đổi bổ sung theo Điều 156 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Bổ khoản 1 đến khoản 5, lý do bỏ khoản 1 đến khoản 5 Điều 27 là Luật doanh nghiệp không quy định cho phép Hội đồng quản trị</p>

<p>trị và của các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định họ cũng là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà ở đó thành viên Hội đồng quản trị chỉ định họ không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt nhưng không được nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với tư cách là một người thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho người thay thế không có mặt tại Việt Nam.</p>	<p>c) Có đơn từ chức;</p> <p>d) Trong trường hợp người được bầu vào Hội đồng quản trị là Người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông, khi cổ đông thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp đồng thời có yêu cầu cụ thể Người đại diện bị thay thế đó không còn là thành viên Hội đồng quản trị nữa thì thành viên đó không còn là thành viên Hội đồng quản trị kể từ khi Công ty nhận được văn bản yêu cầu của cổ đông.</p> <p>e) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức, thành viên đó sẽ không còn là thành viên Hội đồng quản trị kể từ thời điểm Công ty nhận được đơn hoặc thời điểm khác muộn hơn thời điểm Công ty nhận được đơn được ghi cụ thể trong đơn từ chức.</p> <p>f) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị</p>	<p>thay thế thành viên Hội đồng quản trị mà chỉ cho ủy quyền họp tại một cuộc họp nhất định (có thời gian ủy quyền, phạm vi ủy quyền quy định tại khoản 10 Điều 153). Việc bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (điểm c khoản 2 Điều 135 Luật doanh nghiệp) Hội đồng quản trị không có quyền bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mà phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>
<p>3- Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thời giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.</p>		
<p>4- Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế sẽ được thực hiện bằng một văn bản thông báo do thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký gửi cho Công ty hoặc theo một hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>		
<p>5- Ngoài những quy định khác trong Điều lệ</p>		

<p>Kiểm soát. Cổ đông có quyền đơn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>		
<p>Điều 28: Các cuộc họp của hội đồng quản trị.</p> <p>1- Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2- Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất</p>	<p>Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung theo Điều 153 Luật doanh nghiệp 2014 và thay đổi ngôn ngữ phù hợp với Luật doanh nghiệp.</p>

<p>Kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3- Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a) Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;</p> <p>b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc;</p> <p>d) Đa số thành viên trong Ban Kiểm soát.</p> <p>4- Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5- Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6- Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của</p>	<p>Lý khác;</p> <p>b) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với</p>	
--	--	--

<p>Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7- Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 05 ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>8- Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.</p> <p>9- Biểu quyết</p> <p>a) Trừ quy định tại mục 9b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị không được</p>	<p>các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư.</p> <p>Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến</p>	
---	--	--

<p>biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c) Theo quy định tại khoản 9d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phân quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>10- Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản</p>	<p>của tất cả những người dự họp.</p> <p>10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>11. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Việc biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị bằng phiếu biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc Người liên quan tới thành viên đó có lợi ích. Hợp đồng, giao dịch vi phạm khoản này sẽ bị vô hiệu, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người ký kết hợp đồng có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó;</p> <p>d) Nghị quyết của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp HĐQT ký, hình thức tuân</p>	
--	--	--

<p>chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>11- Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.</p> <p>12- Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho Thư ký không muộn hơn một (01) tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>13- Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p>	<p>thủ theo hình thức trình bày văn bản của pháp luật.</p> <p>Nghị quyết Hội đồng quản trị phải ghi rõ các nội dung được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị, hiệu lực thi hành, người tổ chức thực hiện.</p> <p>12. Những người họp dự thính:</p> <p>Giám đốc, các Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và Trưởng các Phòng/Ban có thể được Chủ tịch HĐQT mời họp, những người này được tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết.</p> <p>13. Biên bản họp Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, việc ghi âm phải được thông báo trước cho các thành viên dự họp, chỉ được phục vụ cho việc hoàn thiện biên bản cuộc họp và không được sử dụng vào mục đích nào khác. Băng ghi âm phải lưu giữ tại trụ sở Công ty theo quy định pháp luật.</p> <p>b) Biên bản phải lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Thời gian, địa điểm họp; - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc 	<p>- Theo Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Bổ sung theo thực tế hoạt động của Công ty.</p>
--	---	---

<p>b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác cùng một lúc. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.</p>	<p>người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; các họ tên, chức vụ thành viên dự thỉnh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; - Các vấn đề đã được thông qua; - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. <p>Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>c) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>- Theo Khoản 1 Điều 154 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
<p>Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>14- Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:</p> <p>a) Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng;</p> <p>b) Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.</p> <p>Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như</p>		

là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

15- Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

16- Những người được mời họp dự thính: Giám đốc điều hành, những Người quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.

17- Các tiêu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể ủy quyền hành động và quyết định cho các tiêu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiêu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có

<p>thê điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiêu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiêu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiêu ban và (b) Nghị quyết của tiêu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>18- Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiêu ban nào trực thuộc Hội đồng hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiêu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiêu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.</p>		
	<p style="text-align: center;"><u>Bổ sung Điều 30:</u></p> <p>Điều 30. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Việc công khai lợi ích và những Người có liên quan của Công ty thực hiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những Người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty; 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm: 	<p>- Bổ sung thêm Điều 30 theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

	<p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; Tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều lệ;</p> <p>3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; Việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;</p> <p>4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>a) Công ty phải thông báo danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</p> <p>b) Danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ</p>	
--	--	--

	<p>đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;</p> <p>d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những Người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất, không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai Người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo các quy chế, quy định của Công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác đề thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; Nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p>	
<p>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý:</p> <p>1- Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ</p>	<p>Điều 31. Người đại diện theo pháp luật và tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>1. Người đại diện theo pháp luật:</p>	<p>- Sửa đổi bổ sung theo</p>

<p>có một số lương nhất định và các loại Người quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự miễn cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2- Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những Người quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.</p>	<p>Công ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.</p> <p>2. Tổ chức bộ máy quản lý:</p> <p>a) Cơ cấu các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng/Phó Chi nhánh (nếu có) các Phòng/Ban chức năng và các Ca vận hành;</p> <p>b) Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm ban hành Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty.</p>	<p>Khoản 2 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Theo Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
<p>Điều 30. Cán bộ quản lý</p>	<p>Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người quản lý khác</p> <p>1. Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác:</p> <p>a) Công ty trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc, Người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;</p> <p>b) Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác được trả theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách hưởng thù lao công việc và được tính theo số ngày công cần 	<p>- Sửa đổi theo Điều 25 Điều 158 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

	<p>thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách hưởng thù lao theo Quy chế nội bộ của Công ty. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao; - Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo Quy chế nội bộ của Công ty. c) Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. <p>2. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền 	
--	--	--

	<p>lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	<p>- Theo Điều 167 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
<p>êm, nhiệm vụ điều hành</p> <p>1. trị sẽ bổ nhiệm g hoặc một người nh và sẽ ký hợp tù lao, lợi ích và n đến việc tuyên g, trợ cấp, quyền hải được báo cáo ờng niên và được l của Công ty.</p> <p>có thể làm Giám a Giám đốc điều rẽ được bổ nhiệm</p>	<p>Điều 33. Giám đốc Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.</p> <p>2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Trường hợp điều hành này trái với quy định này thì Giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</p>	<p>- Sửa đổi theo Điều 157 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>lại với số nhiệm kỳ không hạn chế việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p> <p>Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành viên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</p> <p>3- Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c) Kiến nghị về số lượng và các chức danh quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người</p>		<p>Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm; Có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Giám đốc Công ty có thể bị bãi nhiệm theo trình tự hợp và ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế. Trường hợp Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị thì không có quyền biểu quyết. Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p> <p>4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p>	<p>- Theo Điểm i Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
		<p>- Theo khoản 3 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2014.</p>	

<p>quản lý;</p> <p>d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lương người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;</p> <p>f) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;</p> <p>g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>i) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>j) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công</p>	
	<p>f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</p> <p>g) Kiến nghị về số lương, mức lương, thù lao các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của Hội đồng quản trị;</p> <p>h) Tuyển dụng lao động theo kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt;</p> <p>i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>j) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p> <p>k) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;</p> <p>l) Lập, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật;</p> <p>m) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;</p> <p>n) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;</p> <p>o) Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng quản</p>

<p>ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và Pháp luật.</p> <p>4- Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông: Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nghiệp vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5- Bài nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Giám đốc điều hành) và bỏ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế. Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p>	<p>trị và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.</p>	
	<p><u>Bổ sung Điều 34:</u></p> <p>Điều 34. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty</p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 (sáu) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ và Điều 160 của Luật doanh nghiệp;</p>	<p>- Bổ sung Điều khoản mới theo Điều 161 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

	<p>b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời Nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.</p>	
<p>Điều 32: Thư ký công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những Điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về</p>	<p>Điều 35. Thư ký Công ty</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng 01 (một) Thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Thư ký có nhiệm vụ sau:</p>	<p>- Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p><u>Lý do thay đổi:</u> Công ty chỉ chọn 01 thư ký Công ty và không có trợ lý của thư ký (đề gọn nhẹ bộ</p>

<p>lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng Thư ký Công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a) Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>b) Làm biên bản các cuộc họp;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>a) Hỗ trợ tổ chức tập họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;</p> <p>d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>f) Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật.</p>	<p>máy hành chính) - ngoài ra có chính sửa một số văn phạm phù hợp với Luật doanh nghiệp</p>
<p>Điều 33: Trách nhiệm của thành viên hội đồng quản trị, giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.</p>	<p>Điều 36. Trách nhiệm của Người quản lý Công ty</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được</p>	<p>- Giữ nguyên Điều này và sửa theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2014.</p>

	<p>giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;</p> <p>c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.</p> <p>Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 34: Trách nhiệm trung thực và các xung đột về quyền lợi</p> <p>1- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và Người quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.</p> <p>2- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và Người quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc</p>	<p>Điều 37. Trách nhiệm trung thực và các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, vì lợi ích cá nhân; Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua giao dịch với các tổ chức, cá nhân.</p>	<p>- Theo Điều 159 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>cả nhân khác. Họ chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên khác không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p>	<p>Họ chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên khác không có lợi ích liên quan tán thành.</p>	
<p>3- Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, Người quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	<p>3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, Người quản lý khác và những Người liên quan của họ mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có thông qua.</p>	
<p>4- Theo Điều 120 của Luật doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ Công ty, đôi tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiêu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p>	<p>4. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ; b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người có liên quan của họ; c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp và Điều 30 Điều lệ này. 	<p>- Theo Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
<p>a) Đối với hợp đồng có giá trị từ hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị</p>	<p>5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; Đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp</p>	

<p>hoặc tiêu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban đó đã có phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính số gần nhất của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;</p> <p>c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiêu ban trực thuộc Hội đồng hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>5- Không một thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, một nhân viên quản lý hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết</p>	<p>thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp này, Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; Đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</p> <p>7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>8. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, một nhân viên quản lý hay</p>	
---	---	--

<p>những thông tin này.</p>	<p>Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p>	
<p>Điều 35: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.</p> <p>1- Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2- Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong một vụ khiếu nại, khởi kiện đã, đang hoặc có thể sẽ diễn ra; dù là một vụ dân sự hay hành chính (mà không phải là sự kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty); nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý, nhân viên hoặc người được ủy quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý, nhân viên hoặc người được ủy quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác theo sự yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty). Chi phí được bồi thường bao gồm: các khoản chi tiêu phát sinh (kể cả phí</p>	<p style="text-align: center;"><u>Bổ Điều 35</u></p>	<p>- Đã quy định tại khoản 7 Điều 36 Điều lệ này, hơn nữa việc bồi thường thiệt hại đã quy định rõ tại khoản 4 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>thuê luật sư), án phí, các khoản phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc trên trong khuôn khổ luật pháp; với điều kiện là đương sự đã hành động trung thực, cân trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn đúng cách và người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không ngược lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát giác hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm vào trách nhiệm của mình. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những sự bồi thường nêu trên.</p>		
<p>Điều 37: Ban kiểm soát</p> <p>1- Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>b) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d) Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm,</p>	<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Triệu tập họp Ban kiểm soát theo quy định;</p> <p>c) Yêu cầu Công ty cung cấp thông tin theo quy chế, Điều lệ và Luật doanh nghiệp.</p>	<p>- Theo khoản 1, khoản 2 Điều 163 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Theo Điều 163, Điều 165, điểm a khoản 4 Điều 153, và khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Theo Điều 163, Điều 165, điểm a khoản 4 Điều 153, và khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Theo khoản 5 Điều 166 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Theo khoản 4 Điều 153 Luật doanh nghiệp</p>

<p>sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g) Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>2- Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3- Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.</p> <p>4- Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban</p>	<p>d) Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị họp Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 153 Luật doanh nghiệp;</p> <p>e) Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>f) Lập báo cáo của Ban Kiểm soát theo quy định;</p> <p>g) Có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>4. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;</p> <p>b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và</p>	<p>2014.</p> <p>- Theo khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Theo khoản 4 Điều 166 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Theo khoản 3 Điều 163 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Theo Điều 165 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Bổ sung khoản a, khoản b, khoản c theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 166 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
--	---	---

Kiểm soát sẽ không vượt quá kế hoạch tiền lương được duyệt mỗi năm. Mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

lập báo cáo tài chính;

- c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục 06 (sáu) tháng;
- f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

		<p>Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 36 Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>i) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;</p> <p>j) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;</p> <p>k) Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>l) Đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập;</p> <p>m) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm</p>	
--	--	--	--

	<p>toán;</p> <p>n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, quy chế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát:</p> <p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị ;</p> <p>b) Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 36: Thành viên ban kiểm soát</p> <p>1- Số lượng thành viên Ban kiểm soát gồm ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít</p>	<p>Điều 39: Kiểm soát viên</p> <p>1. Kiểm soát viên có tiêu chuẩn điều kiện</p>	<p>- Theo Điều 164 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2- Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử 01 (một) thành viên; từ 30% đến dưới 65% được đề cử 02 (hai) thành viên; và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>3- Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số</p>	<p>sau:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người quản lý khác;</p> <p>c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</p> <p>d) Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;</p> <p>e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật liên quan.</p> <p>2. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Việc bầu Ban kiểm soát được quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 25 Điều lệ này và quy định tại Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không đủ tiêu chuẩn kiểm soát viên quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;</p> <p>c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình liên tục trong 06 (sáu) tháng, trừ</p>	<p>- Theo khoản 2,3,4 Điều 25 Điều lệ này và khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014, Điều 17 Nghị định 139/2007/NĐ-CP.</p>
---	--	---

<p>nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>4- Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>trường hợp bất khả kháng;</p> <p>d) Thành viên đó bị miễn nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Vi phạm nghiêm trọng nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định tại quy chế, Điều lệ, Luật doanh nghiệp;</p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 38: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1- Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và 36.2 đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ</p>	<p>Bổ Điều 38</p>	<p>- Đã quy định tại Điều 47 Điều lệ này.</p>

<p>quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p> <p>2- Thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và Người quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3- Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký Kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4- Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Nếu Công ty có một website, Điều lệ này phải được đưa lên website đó.</p>		
<p>Điều 39: Công nhân viên và công đoàn.</p> <p>Giám đốc điều hành sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người quản lý và người lao động cũng như những mối quan</p>	<p>Điều 40. Quy chế nội bộ và hoạt động của tổ chức chính trị xã hội trong Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế quản lý nội bộ, Quy chế phối hợp làm việc giữa Cấp ủy đảng, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty theo chức năng</p>	<p>- Theo điểm 1 khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

<p>hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và Pháp luật.</p>	<p>và thẩm quyền phù hợp với quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan khác.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Giám đốc Công ty xây dựng các quy định, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. 3. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam. 4. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ tổ chức và hoạt động theo quy định tại quy chế, Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và điều lệ hoạt động của tổ chức đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2014. - Theo quy định ISO, Điều lệ Đảng. - Điều lệ của tổ chức Công đoàn, đoàn thanh niên, phụ nữ và CCB.
<p>Điều 40: Cổ tức</p> <p>1- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2- Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p> <p>3- Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.</p> <p>4- Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn</p>	<p>Điều 41. Cổ tức</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định chi trả cổ tức trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng quản trị. Việc chi trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. <p>2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Điều 132 Luật doanh nghiệp 2014. - Theo khoản 3 Điều 132 Luật doanh nghiệp

<p>bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.</p> <p>5- Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.</p> <p>6- Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức</p>	<p>Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông theo đúng tên Cổ đông và tài khoản đăng ký của Cổ đông đó. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.</p> <p>Việc chi trả bằng cổ phần được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Những cổ phần bổ sung này được ghi là cổ phần đã thanh toán cho Cổ đông, giá trị của các cổ phần bổ sung này tương đương với số tiền mặt của cổ tức mà cổ đông đó được nhận.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với lợi nhuận của Công ty.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.</p>	<p>2014.</p> <p>- Theo khoản 1, khoản 2 Điều 124 và khoản 2 Điều 125 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
--	--	--

<p>bằng tiền mặt. Những cổ phần bỏ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bỏ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.</p> <p>7- Theo Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phần chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>		<p>5. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.</p> <p>6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;</p> <p>c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;</p> <p>e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng</p>		<p>- Theo khoản 1, khoản 2, khoản 7 Điều 5 Luật chứng khoán 2006.</p>
---	--	---	--	---

	<p>quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;</p> <p>7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.</p>	
<p>Điều 41: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</p> <p>Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 42. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ</p> <p>Việc trích lập quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chia lãi cho các cổ đông. 2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định. 3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty; b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp; c) Các quỹ khác (nếu có) do Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị và được Đại Hội 	<p>- Sửa theo ND 91/2015/NĐ-CP.</p>

	đồng cổ đông Công ty phê chuẩn.	
Điều 42: Tài khoản ngân hàng 1- Công ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2- Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật, nếu cần thiết. 3- Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.	Điều 43. Tài khoản ngân hàng 1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết. 3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.	- Không thay đổi.
Điều 43 : Trích lập quỹ Việc trích lập quỹ được thực hiện theo qui định của Pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau: a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ: Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn Điều lệ của Công ty. b) Quỹ khen thưởng và phúc lợi: Do Đại hội đồng cổ đông hàng năm quyết định. c) Các quỹ khác nếu có do Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị và được Đại Hội đồng cổ	Bổ điều 43	- Gộp chung lên Điều 41.

đồng Công ty phê chuẩn hàng năm.		
Điều 44: Năm tài khóa Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài khóa đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đó.	Điều 44. Năm tài khóa Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.	- Sửa lại câu từ cho chặt chẽ.
Điều 45: Hệ thống kế toán 1- Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận. 2- Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3- Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	Điều 45. Hệ thống kế toán 1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS). 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	- Sửa lại cho phù hợp với Luật kế toán.
Điều 46: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý. 1- Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan	Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ	- Sửa đổi văn phạm nhưng không làm thay đổi nội dung Điều khoản.

<p>thuê có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2- Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bản cân đối kê toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một Công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kê toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3- Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>4- Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.</p> <p>5- Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo</p>	<p>đồng thông qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền đồng thời gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (nếu Công ty đã phát hành cổ phiếu ra công chúng).</p> <p>2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; - Bản cân đối kê toán của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo; - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. <p>Nếu Công ty là một Công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kê toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập các báo cáo 06 (sáu) tháng và hàng quý theo các quy định của pháp luật và phải đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, các báo cáo này phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán (nếu Công ty là Công ty đã phát hành cổ phiếu ra công chúng).</p> <p>4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được</p>	
---	---	--

<p>sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>Kiểm toán và báo cáo sáu tháng, quý.</p>	
<p>Điều 47: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</p> <p>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (nếu có) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty phải thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều 108, Điều 109 Luật doanh nghiệp. 2. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử các thông tin sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Điều lệ Công ty; b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc; c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. 3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất 03 (ba) ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của 	<p>- Theo Điều 171 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Bổ sung khoản 3 theo khoản 3 Điều 171 Luật doanh nghiệp 2014.</p>

	<p>cổ đông là tổ chức nước ngoài.</p> <p>4. Công ty phải báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày có thay đổi thông tin về họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của những người sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Kiểm soát viên;</p> <p>c) Giám đốc.</p>	<p>- Bổ sung theo Điều 12 Luật doanh nghiệp 2014.</p>
<p>Điều 48: Kiểm toán</p> <p>1- Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Đại hội sẽ thông qua một danh sách các Công ty kiểm toán độc lập lựa chọn từ danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để kiểm toán cho các công ty niêm yết để tiến hành các hoạt động kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính tiếp theo. Hội đồng quản trị sẽ quyết định lựa chọn chính thức một Công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp giấy đăng ký kinh doanh.</p> <p>2- Công ty sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.</p>	<p>Điều 48. Kiểm toán</p> <p>1. Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm sẽ thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập lựa chọn từ danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để kiểm toán cho các công ty niêm yết để tiến hành các hoạt động kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính tiếp theo. Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn chính thức một Công ty kiểm toán trong danh sách các Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Công ty chuẩn bị số liệu kế toán và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Trên cơ sở số liệu kế toán do Công ty cung cấp, Công ty kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán và trình</p>	<p>- Theo Điều 9 Luật Kiểm toán độc lập.</p>

<p>3- Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>4- Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>5- Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>4. Báo cáo kiểm toán sẽ phải được đính kèm với bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.</p> <p>5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty có thể tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các tài liệu và các thông tin liên quan kiểm toán tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>Điều 49: Con dấu</p> <p>1/ Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.</p> <p>2/ Hội đồng quản trị, giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 49. Con dấu</p> <p>1. Số lượng con dấu: Công ty có 01 (một) con dấu.</p> <p>2. Hình thức và nội dung con dấu theo " Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu" của CA tỉnh BR-VT ngày 03/12/2010, cụ thể như sau:</p>	<p>- Theo Điều 44 Luật doanh nghiệp 2014. Đề xuất: Nên giữ nguyên hình thức, nội dung và mẫu con dấu cũ. Lý do: Nếu giữ nguyên về hình thức, nội dung và mẫu dấu cũ thì việc giao dịch với khách hàng cũ và mới sẽ ổn định và tiếp kiệm hơn.</p>



Điều 50: Chấm dứt hoạt động

1- Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Toà án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;

b) Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua ủy quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty.

c) Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

2- Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty trước thời hạn đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

Công ty chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

1. Toà án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công ty bị giải thể theo quy định pháp luật, việc giải thể Công ty xảy ra trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trường hợp này phải có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết dự họp tán thành;

b) Công ty không còn đủ 03 (ba) cổ đông trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

4. Trình tự thủ tục giải thể:

- Theo Khoản 2 Điều 4 Luật phá sản.

- Theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 201; điểm đ Khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp 2014.

	<p>a) Thông qua quyết định giải thể. Quyết định giải thể phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính; - Lý do giải thể; - Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể; - Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật. <p>b) Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tài sản. Cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của Ban thanh lý tài sản được quy định tại Điều 51 Điều lệ này.</p> <p>c) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính.</p> <p>Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể, phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Theo khoản 1 Điều 202 Luật doanh nghiệp 2014. - Sửa điểm b khoản 4 phù hợp với điều 53 của Điều lệ này.
--	---	--

<p>Điều 51: Trường hợp bế tắc giữ các thành viên hội đồng quản trị và cổ đông</p>		<p>quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; Số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; Cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.</p> <p>d) Các khoản nợ được thanh toán theo thứ tự sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; - Nợ thuế; - Các khoản nợ khác. <p>e) Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Công ty, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần.</p> <p>f) Người đại diện theo pháp luật Công ty gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ.</p>	<p><u>Bỏ Điều 51</u></p>	<p>- Việc tranh chấp nội bộ đã có Điều 54 trong Điều lệ.</p> <p>- Công ty không vì mâu thuẫn nội bộ không bầu được Hội đồng quản trị mà giải thể.</p> <p>- Việc Hội đồng quản trị không thống nhất trong</p>
--	--	---	---------------------------------	--

		<p>công việc thì Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Hội đồng quản trị khác để điều hành Công ty không thể vì Hội đồng quản trị không thông nhất mà giải thể.</p> <p>- Bất đồng trong cổ đông sẽ giải quyết bằng thương lượng hoặc tranh chấp sẽ ra tòa án giải quyết.</p>
<p>Điều 52: Gia hạn hoạt động.</p>	<p align="center"><u>Bổ Điều 52</u></p>	<p>- Doanh nghiệp hoạt động vô thời hạn - cho đến khi giải thể theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>Điều 53: Thanh lý</p> <p>1- Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của</p>	<p>Điều 51. Thanh lý</p> <p>1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý được lựa chọn trong số nhân viên hoặc thuê chuyên gia. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo</p>	<p>- Sửa đổi lại văn phạm nhưng không làm thay đổi nội dung Điều khoản.</p>

<p>Công ty.</p> <p>2- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3- Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a) Các chi phí thanh lý;</p> <p>b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p>d) Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e) Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f) Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a) Các chi phí thanh lý;</p> <p>b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p>d) Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e) Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f) Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	
<p>Điều 54: Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1- Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:</p> <p>(i) Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc</p> <p>(ii) Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội</p>	<p>Điều 52. Giải quyết tranh chấp</p> <p>1. Khi phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại, tố cáo có liên quan tới hoạt động của Công ty hoặc quyền, nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc quyền, nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hoặc các luật khác liên quan giữa:</p> <p>a) Một hoặc nhóm cổ đông với Công ty;</p> <p>b) Một cổ đông hoặc nhóm cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát,</p>	<p>- Theo Luật khiếu nại tố cáo và Luật Tố tụng dân sự 2011.</p>

<p>đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay Người quản lý cao cấp.</p> <p>Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2- Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án kinh tế có thẩm quyền</p> <p>3- Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.</p>	<p>Giám đốc điều hành hoặc Người quản lý;</p> <p>Thì việc giải quyết tranh chấp của các bên sẽ được tiến hành thông qua thương lượng hoặc hoà giải.</p> <p>2. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày làm việc kể từ ngày tiến hành thương lượng hoặc hòa giải mà thương lượng hoặc hòa giải không thành các bên có quyền khởi kiện ra tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải.</p> <p>Khi vụ việc giải quyết tại tòa án thì phí, lệ phí của tòa án theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Sửa đổi văn phạm cho phù hợp với ngôn ngữ trong Luật doanh nghiệp và bổ sung việc thông qua nghị quyết sửa đổi Điều lệ có thể lấy ý kiến bằng văn</p>
<p>Điều 55: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <p>1- Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>2- Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này</p>	<p>Điều 53. Bổ sung và sửa Điều lệ</p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Việc thông qua nghị quyết sửa đổi, bổ sung điều lệ bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>- Sửa đổi văn phạm cho phù hợp với ngôn ngữ trong Luật doanh nghiệp và bổ sung việc thông qua nghị quyết sửa đổi Điều lệ có thể lấy ý kiến bằng văn</p>

<p>hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng quy định của pháp luật để điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<p>bản (khoản 2 Điều 143 Luật doanh nghiệp).</p>
<p>Điều 56: Ngày hiệu lực</p> <p>1- Bản Điều lệ này gồm XXI chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2011 tại Bà Rịa Vũng Tàu cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2- Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>2.1. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</p> <p>2.2. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.</p> <p>2.3. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.</p> <p>3- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p>	<p>Điều 54. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua. Có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2016.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau.</p> <p>3. Việc sao, trích lục Điều lệ Công ty theo quy định pháp luật về công chứng và chứng thực.</p>	<p>- Luật DN 2014 không bắt buộc doanh nghiệp phải đăng ký tại cơ quan chính quyền và phòng Công chứng khi thay đổi điều lệ.</p> <p>- Vấn đề này được quy định ở Điều 25 Luật doanh nghiệp 2014.</p> <p>- Việc cấp bản sao đã có Luật Công chứng và chứng thực nên Điều lệ công ty nên quy định như vậy cho phù hợp với pháp luật liên quan tránh gây phiền hà cho các đối tượng cần sao lục và gây phiền hà cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên.</p>